TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS - ST
Ngày 05 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đoàn Quốc Thống

+ Ông Trịnh Hữu Hiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Thạch Thu H, sinh ngày 01/01/1998; nơi sinh: xã Khánh L, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 6, xã Khánh L, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C ; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Khơ me; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Sanh và bà Danh Thị Tươi; bị cáo có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra (bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Cẩm Hường – là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị hại: Bà Đoàn Thị Mai D, sinh năm 1987

Nơi cư trú: khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Thu H và chị Đoàn Thị Mai D nhà cách nhau khoảng 15 mét có mối quan hệ hàng xóm láng giềng với nhau nhưng giữa hai người thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau.

Vào khoảng 08 giờ, ngày 29/7/2018, tại nhà chị D tổ chức uống rượu gồm: Chị D, anh Nhi, H, bà Thạch Thị Nga là mẹ ruột chị D, ông Thạch Sanh là cha ruột của H, ông Trần Văn Trọng là cha nuôi chị D và bà Phan Thị Tuyết là vợ ông Trọng. Đến 12 giờ cùng ngày thì nghỉ uống, ông Sanh rủ ông Trọng và anh Nhi qua nhà ông Sanh tiếp tục uống rượu. Anh Nhi cầm chai rượu sang nhưng không uống mà bỏ về nhà. Sau đó, vợ chồng anh Nhi xảy ra cự cãi và có nhắc đến H. H đang ở nhà nghe thấy, nên đi qua nhà chị D hỏi chuyện thì giữa hai người xảy ra cự cãi. Cãi nhau được một lúc thì H nói với chị D: "Bà chưởi tôi hoài là hồi có chuyện đó", nói xong H về nhà. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, H đang ăn cơm ở nhà thì nghe chị D tiếp tục chưởi H và ghen tuông anh Nhi có quan hệ bất chính với H, trong khi đó H đang mang thai. Vì tức giận nên H lấy cây dao dài khoảng 29 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 17cm; chiều rộng nhất của lưỡi dao 4cm; cán dao bằng gỗ dài 12cm để gần giàn chén sau bếp, chạy theo đường đất phía sau nhà của H qua nhà sau của chị D. Lúc này, chị D đang đứng bên trong nhà lá gần cửa sau, quay lưng ra cửa sau. Hồng chạy đến, tay phải dùng dao đâm thẳng vào lưng và hông của chị D nhiều cái gây thương tích ở lưng trái và hạ sườn trái; chị D la lên, nghe chị D kêu cứu nên anh Nhi quay lại và nhào đến giật lấy cây dao trên tay phải của H. Anh Nhi cùng gia đình đưa chị D đến Trung tâm Y Tế huyện U Minh điều trị. Do vết thương nặng nên chị D được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa Cà Mau để tiếp tục điều trị.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 227/TgT, ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 276/TgT, ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau xác định, thương tích của Đoàn Thị Mai D gồm: 01 sẹo vùng lưng trái, kích thước: 5,5cm x 0,5cm, tỷ lệ 6%; 01 vết dẫn lưu vùng hông trái cách gai chậu trước trên trái 3cm, kích thước: 1,5 cm x 0,8cm, tỷ lệ 1%; 01 vết sẹo phẫu thuật đường trắng giữa trên dưới rốn, kích thước: 14cm x 0,2cm, tỷ lệ 2%; 01 vết sẹo hạ sườn trái, kích thước: 1,4cm x 0,2cm, tỷ lệ 1%; Vết thương thận trái đã cắt bỏ thận trái. Hiện tại không ảnh hưởng chức năng thận, tỷ lệ 45%. Tổng tỷ lệ thương tích là 50% (năm mươi phần trăm).

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh truy tố bị cáo Thạch Thu H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thạch Thu H, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý tiếp tục bồi

thường cho chị D số tiền 10.175.000 đồng; về vật chứng căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao tổng chiều dài 29 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 17 cm; chiều rộng nhất của lưỡi dao 4cm; cán dao bằng gỗ dài 12 cm.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Hồng. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo; khi phạm tội bị cáo mang thai; bị cáo khắc phục hậu quả cho bị hại theo điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; hành vi bị cáo gây thương tích cho chị D, do chị D có một phần lỗi, chị D đã có hành vi chưởi bới bị cáo, bị cáo không kiềm chế được nên gây thương tích cho bị hại; bị cáo là người dân tộc, trình độ học vấn thấp nên xem xét áp dụng theo khoản 2 Điều 51. Về mức hình phạt thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức án thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho chị D số tiền 10.175.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận có dùng cây dao chém gây thương tích cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện U Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Thạch Thu H thừa nhận dùng dao chém nhiều cái vào người chị D gây thương tích cho chị D như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng và thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị ép buộc hay bị một tác động nào khác. Căn cứ kết quả khai báo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, từ đó có cơ sở khẳng định như sau: Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 29/7/2018, tại nhà chị Đoàn Thị Mai D, khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C .; Thạch Thu H đã có hành vi dùng dao tổng chiều dài 29 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 17 cm; chiều rộng nhất của lưỡi dao 4 cm; cán dao bằng gỗ dài 12 cm là hung khí nguy hiểm đâm gây thương tích cho chị D với tổng tỷ lệ là 50%.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết tội bị cáo Thạch Thu H phạm tội cố ý gây thương tích được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Điểm c khoản 3 Điều 134 quy định: " *3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;…" nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo gây thương tích cho chị Đoàn Thị Mai D là nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật và gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hậu quả của hành vi bị cáo gây thương tích cho chị Đoàn Thị Mai D 50%, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với định khung dùng hung khí nguy hiểm. Do đó, cần có một mức án tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, n, s Điều 51 Bộ luật hình sự; tại lời khai trong quá trình điều tra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên quyết định hình phạt nhẹ hơn trong khung hình phạt liền kề theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 3 năm tù là có căn cứ và thỏa đáng.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, lao động trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại chị Đoàn Thị Mai D đã nhận tiền bồi thường của bị cáo với số tiền 9.200.000 đồng, chị D yêu cầu bị cáo Hồng bồi thường tiếp số tiền 10.175.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho chị D số tiền 10.175.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án: Tang vật của vụ án: 01 (một) cây dao tổng chiều dài 29 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 17 cm; chiều rộng nhất của lưỡi dao 4cm; cán dao bằng gỗ dài 12 cm là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Thạch Thu H phải chịu 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 10.175.000 đồng phải bồi thường cho chị D x 5% = 508.750 đồng. Tổng cộng là 708.750 (bảy trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên xử: bị cáo Thạch Thu H phạm tội cố ý gây thương tích.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thạch Thu H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Thạch Thu H tiếp tục bồi thường cho chị Đoàn Thị Mai D số tiền 10.175.000 (mười triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao tổng chiều dài 29 cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 17 cm; chiều rộng nhất của lưỡi dao 4cm; cán dao bằng gỗ dài 12 cm.

Các vật chứng nêu trên hiện cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh đang quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa Cơ quan điều tra công an huyện U Minh và Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Thạch Thu H phải chịu số tiền 708.750 (bảy trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Đoàn Thị Mai D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh (1b);*
- *Công an huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Nhà tạm giữ công an huyện U Minh (1b)*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh(1b);*
- *Bị cáo, người bị hại, (mỗi người 1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*